

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề cương và dự toán
chi phí tư vấn kiểm toán độc lập – giai đoạn 2 (CT3-CS-TV19) thuộc dự án
Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 ;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 1151/BC-STC ngày 14 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán chi phí tư vấn kiểm toán độc lập – giai đoạn 2 (CT3-CS-TV19), với các nội dung sau:

1. Tên dự toán: Chi phí tư vấn kiểm toán độc lập – giai đoạn 2 (CT3-CS-TV19).
2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

3. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, thành phố Cần Thơ (Ban QLDA ODA).

4. Đơn vị lập đề cương và dự toán: Ban QLDA ODA.

5. Mục tiêu kiểm toán: cho phép kiểm toán viên

a) Đưa ra ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính của các dự án trong 3 năm tiếp theo của dự án / giai đoạn 2020-2022 phù hợp với các chuẩn mực kế toán được chấp nhận.

b) Đưa ra ý kiến về việc tuân thủ pháp luật, quy định và Hiệp định Tài chính có tác động tài chính trực tiếp và tài liệu trên báo cáo tài chính của đơn vị.

c) Đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ phù hợp với yêu cầu mà có thể ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng về tài chính đối với báo cáo tài chính cũng như kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính.

6. Phạm vi công việc: Kiểm toán báo cáo tài chính trong 03 năm 2020-2022 theo cơ chế tài chính của dự án.

7. Nội dung công việc: Các nội dung của các báo cáo tài chính được dự kiến sẽ bao gồm:

a) Một bản tóm tắt của tất cả các nguồn vốn, cũng như chi phí đối với một hệ thống phân loại đó là đáp ứng các mục tiêu của dự án cho cả năm tài chính hiện tại và lũy kế cho đến nay. Thuyết trình riêng cho các nguồn vốn sử dụng được dựa trên:

- Tín dụng IDA;
- Tín dụng IBRD;
- Nguồn vốn của SECO
- Vốn đối ứng của Chính phủ

(Chi phí sẽ được trình bày theo hạng mục dự án và các loại chi phí mỗi năm tài chính và chi phí lũy kế cho đến báo cáo cuối kỳ).

b) Một bảng cân đối.

c) Lịch trình hỗ trợ các báo cáo tài chính tối thiểu bao gồm:

- Một đối chiếu các số hiển thị là "nhận được bởi các dự án của Ngân hàng Thế giới" với những thể hiện như đang được Ngân hàng giải ngân.

- Sao kê chi tiêu liệt kê danh sách đơn rút vốn SOE theo số tham chiếu cụ thể và số tiền trong mỗi hiệp định tài trợ.

- Báo cáo tài khoản đặc biệt cho thấy việc chuyển tiền và tính phù hợp với báo cáo của ngân hàng.

d) Các chính sách kế toán áp dụng và chú thích ghi nhận.

đ) Xác nhận quản lý rằng nguồn vốn của Ngân hàng đã được chi tiêu phù hợp với mục đích dự kiến.

8. Giai đoạn kiểm toán: Công việc kiểm toán của gói thầu CT3-CS-TV19 được thực hiện qua 03 lần:

a) Lần 1 từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020.

b) Lần 2 từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021.

c) Lần 3 từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 (dự án kết thúc ngày 30/6/2022, thời gian ân hạn giải ngân và tất toán đến 31/12/2022).

Việc kiểm toán sẽ được thực hiện theo với các tiêu chuẩn quốc tế của kiểm toán và phạm vi kiểm toán cần được mở rộng để đảm bảo những điều sau đây:

- Tất cả các vốn được sử dụng phù hợp với các điều kiện của Hiệp định Tài chính có liên quan, với sự quan tâm đến kinh tế và hiệu quả, và chỉ dành cho các mục đích mà Hiệp định tín dụng số IDA - 5779-VN và IBRD-8598-VN được cung cấp.

- Vốn đối ứng đã được cung cấp và sử dụng phù hợp với Hiệp định tài chính có liên quan, với sự quan tâm do nền kinh tế và hiệu quả, và chỉ dành cho các mục đích được cung cấp.

- Hàng hóa, dịch vụ tài chính đã được mua sắm phù hợp với Hiệp định tài chính có liên quan.

- Các khoản chi phí trình cho Ngân hàng có đủ điều kiện tài chính và tất cả các tài liệu hỗ trợ cần thiết, hồ sơ và tài khoản hỗ trợ rút tiền tín dụng đã được duy trì đầy đủ với mối liên hệ rõ ràng giữa các sổ sách kế toán và báo cáo nộp cho Ngân hàng.

- Nguồn vốn giải ngân thông qua hình thức SOE đã được sử dụng cho có mục tiêu được xác định trong hiệp định tài trợ. Trường hợp chi tiêu không hợp lệ đã được xác định và đã nêu trong Đơn rút vốn và chi phí hoàn trả kiểm toán cũng cần lưu ý và tách phần này riêng.

- Các Tài khoản chi định đã được duy trì và hoạt động theo điều khoản của hiệp định tài trợ có liên quan.

- Kiểm toán cần phải đưa ra một lịch trình làm việc để xem xét tính sẵn sàng thực hiện công việc của dự án, công việc xây lắp với tiến độ được báo cáo vào thời điểm kiểm toán.

- Kiểm toán sẽ được thực hiện tại:

+ Văn phòng Ban QLDA ODA;

+ Kiểm toán thực hiện theo cơ chế tài chính dự án của dự án.

+ Kiểm toán thực hiện các mẫu biểu báo cáo chi tiết và bảng cân đối theo quy định các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý tài chính của các chương trình dự án ODA phù hợp từng thời điểm hiệu lực của Thông tư và tuân thủ các báo cáo theo yêu cầu của nhà tài trợ.

9. Dự kiến số lượng chuyên gia, loại chuyên gia và thời gian thực hiện của từng loại chuyên gia.

STT	Chức danh nhiệm vụ	Số lượng nhân sự	Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm	Thời gian thực hiện, tháng – công (03 năm)
A. Chuyên gia chủ chốt				
1	Giám đốc kiểm toán	1	Tốt nghiệp đại học (tốt nhất là thành viên chuyên nghiệp của kế toán quốc tế và kiểm toán như ACCA, CPA của Mỹ hoặc Úc ...), 15 năm hoặc kinh nghiệm hoặc những kinh nghiệm nói ở trên trong các dịch vụ tài chính, tư vấn và kiểm toán với 10 năm kinh nghiệm trong quản lý Nhóm kiểm toán. Năm làm việc thực tế trong việc kiểm toán phải là 15 năm trở lên kể từ khi được cấp giấy chứng nhận kiểm toán viên quốc tế hoặc của Việt Nam. Đã từng quản lý như Nhà quản lý Kiểm toán cho ít nhất 03 hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính của các dự án ODA do WB / ADB tài trợ. Thông thạo tiếng Anh	1,2
2	Quản lý kiểm toán	1	Tốt nghiệp đại học (tốt nhất là thành viên chuyên nghiệp của kế toán quốc tế và kiểm toán như ACCA, CPA của Mỹ hoặc Úc ...), 15 năm hoặc kinh nghiệm ở trên làm việc trong các dịch vụ tài chính, tư vấn và kiểm toán với 10 năm kinh nghiệm trong quản lý của Nhóm kiểm toán. Năm làm việc thực tế trong việc kiểm toán phải là 10 năm trở lên kể từ khi được cấp giấy chứng nhận kiểm toán viên quốc tế hoặc của Việt Nam. Đã từng quản lý như Nhà quản lý Kiểm toán cho ít nhất 03 hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính của các dự án ODA do	1,5

			WB / ADB tài trợ. Thông thạo tiếng Anh	
3	Trưởng nhóm kiểm toán	1	Tốt nghiệp đại học (tốt nhất là thành viên chuyên nghiệp của kế toán quốc tế và kiểm toán như ACCA, CPA của U.S.A hoặc Úc ...), 10 năm trở lên kinh nghiệm làm việc trong các dịch vụ tài chính, tư vấn và kiểm toán. Năm làm việc thực tế trong việc kiểm toán phải là 07 năm trở lên kể từ khi được cấp giấy chứng nhận kiểm toán viên quốc tế hoặc của Việt Nam. Đã từng quản lý như Nhà quản lý Kiểm toán cho ít nhất 3 hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính của các dự án ODA do WB / ADB tài trợ. Thông thạo tiếng Anh	4,5
4	Kiểm toán viên	3	Tốt nghiệp đại học (tốt nhất là thành viên chuyên nghiệp của kế toán quốc tế và kiểm toán như ACCA, CPA của U.S.A hoặc Úc ...), 5 năm kinh nghiệm trở lên làm việc trong các dịch vụ tài chính, tư vấn và kiểm toán. Năm làm việc thực tế trong việc kiểm toán phải là 05 năm. Thông thạo tiếng Anh	4,5
B. Nhân sự hỗ trợ				
1	Nhân viên hỗ trợ	1		4,5

10. Dự toán chi phí tư vấn kiểm toán độc lập – giai đoạn 2 (CT3-CS-TV19): **986.694.000 đồng** (*Chín trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng*). Trong đó:

a) Chi phí tư vấn: 722.694.000 đồng (thực hiện theo Phụ lục số 03 Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; tiền lương chuyên gia vận dụng thực hiện theo Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng).

b) Chi phí đi lại, khảo sát, thông tin liên lạc và các chi phí khác để đảm bảo chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ: 264.000.000 đồng (tạm tính, thanh toán theo chế độ quy định chứng từ chi thực tế, không vượt dự toán được duyệt).

(Đính kèm Bảng tổng hợp dự toán chi phí)

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, thành phố Cần Thơ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng quy định và thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ML*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - CT UBND TP (1A);
 - VP UBND TP (3D);
 - Công TTĐTTP;
 - Lưu: VT, DMT. *ML*
- 8458KtoanGD2



Nguyễn Văn Hồng





BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TƯ VẤN KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP - GIAI ĐOẠN 2 (CT3-CS-TV19)
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ VÀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA ĐÔ THỊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 918 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND TP Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng

STT	THÀNH PHẦN	Đơn vị	CÔNG THỨC TÍNH	THÀNH TIỀN	Ghi chú
I	Chi phí tư vấn				
1	Tiền lương	Ccg	Bảng 1	358.800.000	Dự toán làm cơ sở xác định giá gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói
2	Chi phí quản lý	Cql	55%*Ccg	197.340.000	
3	Chi phí khác	Ck	Bảng 2	19.600.000	
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TN	6%*(Ccg + Cql)	21.528.000	
5	Thuế giá trị gia tăng	VAT	10% x (Ccg + Cql + TN + Ck)	59.726.800	
6	Dự phòng phí	Cdp	10% x (Ccg + Cql + TN + Ck + VAT)	65.699.480	
	TỔNG	Ctv	Ccg + Cql + TN + Ck + VAT+Cdp	722.694.280	
	Làm tròn	Ctv		722.694.000	
II	Chi phí đi lại, khảo sát, thông tin liên lạc và các chi phí khác để đảm bảo chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ		bảng tính	264.000.000	Thanh toán theo chứng từ chi thực tế, không vượt dự toán được duyệt
	TỔNG CỘNG		I + II	986.694.000	

**BẢNG 1 - DỰ TOÁN LƯƠNG CHUYÊN GIA**

STT	Chức danh nhiệm vụ	Số lượng nhân sự	Tháng công (thực hiện trong 03 năm)	Lương cơ bản (theo Thông tư 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019)	Chi phí chuyên gia	Ghi chú
1	2	3	4	(5)	(6) = (3)*(4)*(5)	
A. Chuyên gia chủ chốt						
1	Giám đốc kiểm toán	1	1,2	-	-	chi trong chi phí quản lý
2	Quản lý kiểm toán	1	1,5	28.600.000	42.900.000	KS cao cấp, chủ nhiệm DA; 710.000 - 1.300.000 đ/ngày; áp mức 1,1tr đ/ ngày x 26 ngày = 28.600.000 đồng/tháng
3	Trưởng nhóm Kiểm toán	1	4,5	20.800.000	93.600.000	KS chính, chủ nhiệm bộ môn; 530.000 - 1.000.000 đ/ngày; áp mức 800.000 đ/ ngày x 26 ngày = 20.800.000 đồng/tháng
4	Kiểm toán viên	3	4,5	13.000.000	175.500.000	Kỹ sư; 355.000 - 600.000 đ/ngày; áp mức 500.000 đ/ ngày x 26 ngày = 13.000.000 đồng/tháng
B. Nhân sự hỗ trợ						
1	Nhân viên hỗ trợ	1	4,5	10.400.000	46.800.000	Kỹ thuật viên; 320.000 - 515.000 đ/ngày; áp mức 400.000 đ/ ngày x 26 ngày = 10.400.000 đồng/tháng
TỔNG					358.800.000	



BẢNG 2 - CHI PHÍ KHÁC

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	In ấn, photo tài liệu, văn phòng phẩm				9.600.000
	- Giấy in khổ A4	Gram	20	80.000	1.600.000
	- Mực in cho máy laser	hộp	5	800.000	4.000.000
	- Mực in cho máy photo	hộp	3	1.000.000	3.000.000
	- Văn phòng phẩm khác				1.000.000
2	Khấu hao thiết bị				10.000.000
3	Chi phí đi lại, khảo sát, thông tin liên lạc và các chi phí khác để đảm bảo chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ			-	264.000.000
3,1	Liên lạc trong nước và Internet	năm	2	3.000.000	6.000.000
3,2	Vé máy bay khứ hồi trong nước (HN-CT) cho 6 người x 3 chuyến	03 chuyến	18	8.000.000	144.000.000
3,3	Chi phí đi lại, ăn ở, khách sạn tại Cần thơ (6 người (04 phòng x 7 ngày x 03 chuyến)	03 chuyến	84	1.000.000	84.000.000
3,4	Chi phí thu thập dữ liệu, kiểm tra công trình, đi thực địa, chi phí khác	3 chuyến			30.000.000
3,5	Chi phí khác (hội họp....)	3 chuyến			
					283.600.000